

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1565/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi; Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nuôi con nuôi;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐCP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phê duyệt phương án ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc thực hiện phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 684/TTr-STP ngày 07/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, phương án tái cấu trúc quy trình giải quyết đối với 61 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các quy trình sau đây trong danh mục tại Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND Thành phố hết hiệu lực:

- Các quy trình thuộc mục X, XI, XII phần A.
- Các quy trình: QT-QH-18, QT-QH-19, QT-QH-20, QT-QH-21, QT-QH22, QT-QH-23, QT-QH-24, QT-QH-26, QT-QH-27, QT-QH-28, QT-QH-29 thuộc mục II phần B; các quy trình thuộc mục III phần B.
- Các quy trình thuộc mục II, III phần C.

Các quy trình trong danh mục tại Quyết định số 6679/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND Thành phố hết hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trọng Đông

Phụ lục 01**DANH MỤC**

CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC VÀ NUÔI CON NUÔI THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ TƯ PHÁP VÀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC THÀNH PHỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT-91	Phụ lục 02
2	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT-92	Phụ lục 02
II	Lĩnh vực Quốc tịch		
1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	QT-93	Phụ lục 03
2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-94	Phụ lục 03
3	Thủ tục xin thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-95	Phụ lục 03
4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-96	Phụ lục 03
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-97	Phụ lục 03
III	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Quy trình giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	QT-87	Phụ lục 04
2	Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	QT-88	Phụ lục 04
3	Quy trình về giải quyết việc đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-89	Phụ lục 04
4	Quy trình về giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-90	Phụ lục 04

B. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-QH-01	Phụ lục 05
2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-02	Phụ lục 05
3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-03	Phụ lục 05
4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-04	Phụ lục 05
5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-05	Phụ lục 05
6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-06	Phụ lục 05
7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-07	Phụ lục 05
8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-08	Phụ lục 05
9	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-QH-09	Phụ lục 05
10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-10	Phụ lục 05
11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-11	Phụ lục 05
12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-QH-12	Phụ lục 05
13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-13	Phụ lục 05
14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-QH-14	Phụ lục 05
15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-15	Phụ lục 05
16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-16	Phụ lục 05
17	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT-QH-17	Phụ lục 05

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-30	Phụ lục 06
III	Lĩnh vực chứng thực		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-QH-18	Phụ lục 07
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-QH-20	Phụ lục 07
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-QH-21	Phụ lục 07
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-QH-22	Phụ lục 07
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-QH-23	Phụ lục 07
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-QH-24	Phụ lục 07
7	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-QH-26	Phụ lục 07
8	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-QH-27	Phụ lục 07
9	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-QH-28	Phụ lục 07
10	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-QH-29	Phụ lục 07

C. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
I	Lĩnh vực Hộ tịch		
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-XP-01	Phụ lục 08
2	Đăng ký khai sinh	QT-XP-02	Phụ lục 08
3	Đăng ký kết hôn	QT-XP-03	Phụ lục 08
4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-04	Phụ lục 08
5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-05	Phụ lục 08
6	Đăng ký khai tử	QT-XP-06	Phụ lục 08
7	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-XP-07	Phụ lục 08
8	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-XP-08	Phụ lục 08
9	Đăng ký khai tử lưu động	QT-XP-09	Phụ lục 08
10	Đăng ký giám hộ	QT-XP-10	Phụ lục 08
11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-XP-11	Phụ lục 08
12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT-XP-12	Phụ lục 08
13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-XP-13	Phụ lục 08
14	Đăng ký lại khai sinh	QT-XP-14	Phụ lục 08
15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-XP-15	Phụ lục 08
16	Đăng ký lại kết hôn	QT-XP-16	Phụ lục 08
17	Đăng ký lại khai tử	QT-XP-17	Phụ lục 08
18	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT-XP-18	Phụ lục 08
19	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT-XP-19	Phụ lục 08
II	Lĩnh vực nuôi con nuôi		
1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-30	Phụ lục 09
2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-31	Phụ lục 09
III	Lĩnh vực chứng thực		
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-XP-19	Phụ lục 07
2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-XP-20	Phụ lục 07

TT	Tên quy trình/lĩnh vực	Ký hiệu	Ghi chú
3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-XP-21	Phụ lục 07
4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-XP-22	Phụ lục 07
5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-XP-23	Phụ lục 07
6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-XP-24	Phụ lục 07
7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-XP-25	Phụ lục 07
8	Chứng thực Di chúc	QT-XP-26	Phụ lục 07
9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-XP-27	Phụ lục 07
10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-XP-28	Phụ lục 07
11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-XP-29	Phụ lục 07

Phụ lục 02**A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ****I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH****1. Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch (QT-91)**

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch từ Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội lưu giữ, quản lý.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với công dân có yêu cầu cấp bản sao trích lục hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị cấp bản sao trích lục hộ tịch của cá nhân. Công chức Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Mẫu điện tử tương tác yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến);	X	

- Người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:		
* Giấy tờ phải nộp: - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.	X	
* Giấy tờ phải xuất trình: - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.	X	
* Lưu ý - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: + Đối với giấy tờ xuất trình khi đăng ký hộ tịch, công chức kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó. + Công dân có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì công chức kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ + Công chức tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật không quy định phải nộp.		

	Người tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật nếu người yêu cầu đăng ký hộ tịch đã cung cấp họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; <i>số định danh cá nhân/thẻ căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân/căn cước điện tử</i>. Trường hợp các thông tin cần khai thác không có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì đề nghị người yêu cầu kê khai đầy đủ. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu nộp hồ sơ trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ phải rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng; nếu là giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp thì phải được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt theo quy định, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự. + Trường hợp nhận kết quả (bản sao Trích lục hộ tịch) tại Sở Tư pháp, công dân phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ là thành phần hồ sơ. Trường hợp giấy tờ phải gửi kèm trong hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch công dân được sử dụng bản điện tử này.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo.		
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:		
	Bản sao Trích lục hộ tịch.		
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Sở Tư pháp - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền		
3.7	Phí		
	8.000 đồng/Bản sao Trích lục hộ tịch		
3.8	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố (https://dichvucong.hanoi.gov.vn)</i> Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu thực hiện thủ tục (theo hướng dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. <u>Công dân lựa chọn:</u> - <i>Dịch vụ công trực tuyến,</i> - <i>Sở Tư pháp,</i> - <i>Lĩnh vực Hộ tịch,</i> - <i>Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch</i> <i>Trường hợp trên ứng dụng VNeID có tích hợp thủ tục này thì công dân có thể đăng nhập và thực hiện theo hướng dẫn trên ứng dụng</i>	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2 Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (trực tiếp) Biểu mẫu điện tử tương tác cấp bản sao Trích lục hộ tịch (trực tuyến)	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi
B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ.				

(i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); - Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i); (iii) Trường hợp người có yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch.	Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 01 giờ làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	
---	--	--	--	--

B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức Phòng Hành chính Tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức Phòng Hành chính Tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Phòng Tư pháp	Không quá 01 giờ làm việc	- Hồ sơ	
B4	- Công chức Phòng Hành chính Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	- Trích lục bản sao hộ tịch - Công văn trả lời không có thông tin.	

quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến). + Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Hành chính tư pháp tra cứu thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in bản sao Trích lục hộ tịch trình Trưởng Phòng Hành chính tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xin cấp bản sao Trích lục hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức gửi lại nội dung biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số. Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên biểu mẫu Trích lục hộ tịch điện tử và xác nhận (tối đa một ngày).				
--	--	--	--	--

	Nếu người có yêu cấp bản sao Trích lục hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Hành chính tư pháp dự thảo bản sao Trích lục hộ tịch, trình Trưởng Phòng Hành chính Tư pháp, ký, ký số				
B5	Trưởng phòng Hành chính tư pháp ký bản giấy, bản điện tử: - Bản điện tử chuyển Văn thư Sở Tư pháp và công chức Phòng Hành chính tư pháp - Bản giấy trích lục hộ tịch (bản sao) hoặc công văn trả lời không có thông tin chuyển cho công chức Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời không có thông tin	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận
B6	- Văn thư Sở Tư pháp phát hành văn bản trên Hệ thống; Hệ thống tự động chuyển kết quả đến phần mềm Một cửa, tài khoản của công dân trên cổng Dịch vụ công và phòng Hành chính tư pháp. - Công chức Phòng Hành chính tư pháp chuyển Văn thư phát hành văn bản giấy, nhận bản phát hành, chuyển Bộ phận Một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 02 giờ làm việc	- Trích lục bản sao hộ tịch hoặc Công văn trả lời không có thông tin	+ Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; + Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi vào thiết bị số,

					thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.
B7	- Trả kết quả cho công dân trực tiếp hoặc qua bưu chính - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Công Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai cấp bản sao trích lục hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Trích lục hộ tịch bản sao (Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác cấp bản sao Giấy khai sinh, bản sao Trích lục hộ tịch nếu nộp hồ sơ trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH

Kính gửi: ⁽¹⁾ Sở Tư pháp thành phố Hà Nội

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Quan hệ với người được cấp bản sao Trích lục hộ tịch:

Đề nghị cơ quan cấp bản sao trích lục⁽⁴⁾ cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: ⁽²⁾ Dân tộc: ⁽²⁾ Quốc tịch: ⁽²⁾

Nơi cư trú: ⁽²⁾

Giấy tờ tùy thân: ⁽³⁾

Đã đăng ký tại: ⁽⁵⁾

ngày tháng năm số Quyền số:

Thông tin khác: ⁽⁶⁾

Số lượng bản sao yêu cầu cấp: bản⁽⁷⁾.

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng năm.....

Người yêu cầu

(ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

.....

Chú thích:

(1) Ghi tên cơ quan đề nghị thực hiện việc cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(2) *Chỉ ghi trong trường hợp người có yêu cầu đăng ký hộ tịch chưa có/không cung cấp số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước/chứng minh nhân dân.*

Trường hợp phải cung cấp thông tin “Nơi cư trú” thì ghi theo nơi đăng ký thường trú; nếu không có nơi đăng ký thường trú thì ghi theo nơi đăng ký tạm trú; trường hợp không có nơi đăng ký thường trú và nơi đăng ký tạm trú thì ghi theo nơi ở hiện tại.

(3) *Ghi số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước (ví dụ: Căn cước công dân số 025188001010 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 20/11/2021). Trường hợp không có số định danh cá nhân/căn cước công dân/thẻ căn cước thì ghi giấy tờ hợp lệ thay thế (hộ chiếu, chứng minh nhân dân,...).*

(4) Ghi rõ loại việc hộ tịch đã đăng ký trước đây, nay đề nghị cấp bản sao Trích lục hộ tịch.

(5) Ghi rõ tên cơ quan đã đăng ký hộ tịch trước đây.

Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình.

(6) *Trường hợp người yêu cầu không cung cấp được thông tin tại mục ⁽⁵⁾ thì cung cấp bổ sung thông tin khác để phục vụ việc tra cứu.*

Ví dụ: Cung cấp thông tin về cha, mẹ để phục vụ việc cấp bản sao Giấy khai sinh; cung cấp thông tin về vợ, chồng để phục vụ việc cấp bản sao Trích lục kết hôn;...

(7) Ghi rõ số lượng bản sao đề nghị cấp.

**NỘI DUNG BIỂU MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC YÊU CẦU
CẤP BẢN SAO GIẤY KHAI SINH, BẢN SAO TRÍCH LỤC HỘ TỊCH**

I. Thông tin về người yêu cầu

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch.

II. Thông tin về giấy tờ hộ tịch đã đăng ký

- (6) Họ, chữ đệm, tên người được đăng ký;
- (7) Số định danh cá nhân;
- (8) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (9) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (10) Loại việc yêu cầu cấp bản sao Giấy khai sinh/Trích lục hộ tịch;
- (11) Cơ quan đã đăng ký sự kiện hộ tịch trước đây;
- (12) Tên giấy tờ hộ tịch, số, quyển số, ngày, tháng, năm đăng ký;
- (13) Số lượng bản sao;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - ☐ Trực tiếp
 - ☐ Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - ☐ Bru chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVCĐ, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Ghi bằng chữ:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi sinh:

Quê quán:

Số định danh cá nhân:

Họ, chữ đệm, tên người mẹ:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người cha:

Năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:

Nơi cư trú:

Họ, chữ đệm, tên người đi khai sinh:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi đăng ký khai sinh:**Ngày, tháng, năm đăng ký:**

NGƯỜI KÝ GIẤY KHAI SINH
(Đã ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

Số: /TLKS-BS

Sao từ Sổ Đăng ký khai sinh
Hà Nội, ngày tháng năm 202
TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm ...

Số: ⁽²⁾/TLKH-BS

TRÍCH LỤC KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

Đăng ký kết hôn tại ⁽³⁾ Số..... ngày.....tháng.....năm.....

Ghi chú:⁽⁴⁾

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁵⁾

Nơi nhận:

-

- Lưu VT, HCTP.

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

(4) - Trường hợp đăng ký lại kết hôn; đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP; công nhận việc kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình thì ghi rõ tại mục này và ghi rõ ngày xác lập quan hệ hôn nhân.

Ví dụ: Đăng ký lại kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1998

Đăng ký hôn nhân thực tế theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/1985

Quan hệ hôn nhân được công nhận từ ngày theo Bản án/Quyết định số ngày của TAND

Thực hiện lại việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 13 của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân được xác lập từ ngày 01/5/2015.

- Trường hợp đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn cũng cần ghi rõ tại mục này.

Ví dụ: Đã ly hôn/ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn theo Bản án/Quyết định/Trích lục ghi chú ly hôn số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

(5) Tuỳ theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾/TLKT-BS

....., ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC KHAI TỬ
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân:

Đã chết vào lúc.....giờ.....phút, ngày..... ghi bằng chữ:

Nơi chết:

Đã được đăng ký khai tử tại: ⁽³⁾Số: ngày..... tháng năm.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁴⁾.....

Nơi nhận:

-

- Lưu VT, HCTP.

TUQ. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục khai tử.

⁽³⁾ Ghi tên cơ quan đăng ký khai tử, số, ngày tháng năm đăng ký.

⁽⁴⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký khai tử hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....

⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ⁽²⁾ /TLCMC-BS

....., ngày.....thángnăm

TRÍCH LỤC ĐĂNG KÝ NHẬN⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận đăng ký việc nhận⁽³⁾**giữa:**.....

Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:.....

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Và

Họ, chữ đệm, tên con:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Giấy khai sinh/Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký nhận⁽³⁾**tại**⁽⁴⁾

.....số ngày.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾ Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục (ghi đủ các cấp hành chính).

⁽²⁾ Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan đăng ký hộ tịch.

⁽³⁾ Ghi rõ việc đăng ký nhận: cha, con hoặc mẹ, con tùy theo đăng ký việc cha nhận con/con nhận cha hoặc mẹ nhận con/con nhận mẹ.

⁽⁴⁾ Ghi tên cơ quan, số, ngày tháng năm đăng ký nhận cha, con hoặc mẹ, con.

⁽⁵⁾ Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký nhận cha, mẹ, con hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

.....
.....
.....⁽¹⁾

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:⁽²⁾/TL.....-BS

....., ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC

.....⁽³⁾
(BẢN SAO)

Xác nhận:

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã đăng ký việc ⁽⁴⁾Trong ⁽⁵⁾

Sốngày

Nội dung: ⁽⁶⁾Nơi đăng ký: ⁽⁷⁾

Số ngày

Thực hiện trích lục từ: ⁽⁸⁾**NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC***(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)*

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan cấp bản sao trích lục, ghi chữ viết tắt loại việc đã giải quyết trong thực tế.
Ví dụ: 01/TLTĐHT-BS hoặc 02/TLCCHT-BS hoặc 05/TLXĐLDT-BS
- (3) Ghi theo loại việc thực tế giải quyết: thay đổi hộ tịch; cải chính hộ tịch; bổ sung thông tin hộ tịch; xác định lại dân tộc.
- (4) Ghi theo nội dung đã đăng ký: thay đổi họ/chữ đệm/tên; cải chính họ, chữ đệm, tên, năm sinh; bổ sung dân tộc, năm sinh của người cha; xác định lại dân tộc...
- (5) Ghi tên loại giấy tờ/sổ đăng ký hộ tịch có nội dung đã được thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, số, ngày tháng năm đăng ký.
- (6) Ghi nội dung đã đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc
Ví dụ: Thay đổi tên từ Nguyễn Văn Nam thành Nguyễn Văn An
hoặc: Xác định lại dân tộc từ Dân tộc: Kinh thành Dân tộc: Thái
hoặc Cải chính năm sinh của người mẹ từ sinh năm 1959 thành năm 1960.
- (7) Ghi tên cơ quan đã đăng ký, số đăng ký, ngày tháng năm đăng ký việc thay đổi/cải chính/bổ sung thông tin hộ tịch/xác định lại dân tộc.
- (8) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLGCKH-BS

....., ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC GHI CHÚ KẾT HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên vợ:..... **Họ, chữ đệm, tên chồng:**.....

.....

Ngày, tháng, năm sinh: Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc: Dân tộc:

Quốc tịch: Quốc tịch:

Nơi cư trú: Nơi cư trú:

.....

.....

Giấy tờ tùy thân: Giấy tờ tùy thân:

.....

.....

Đăng ký kết hôn tại:⁽³⁾.....số.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

Đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại ⁽⁴⁾.....số..... ngày.....thángnăm.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁵⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn.
- (3) Ghi rõ tên cơ quan, tên quốc gia nước ngoài đã đăng ký kết hôn, tên loại giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, số (nếu có) và ngày, tháng, năm cấp giấy tờ đó.
- (4) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch, số, ngày tháng năm ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn.
- (5) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký kết hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số: ⁽²⁾ /TLGCLH-BS

....., ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC GHI CHÚ LY HÔN
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Được ghi vào Sổ hộ tịch việc.....⁽³⁾ đã giải quyết tại nước ngoài với người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:

⁽⁴⁾ Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính: Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Theo:⁽⁵⁾ số do..... cấp ngày.....

Tại:⁽⁶⁾ số ngày..... tháng năm.....

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi chú ly hôn.
- (3) Ghi rõ loại việc thực tế: ly hôn hoặc hủy việc kết hôn.
- (4) Ghi theo thông tin có trong Sổ ghi chú ly hôn, nếu không có thông tin thì để trống.
- (5) Ghi rõ tên loại giấy tờ, số, tên cơ quan, ngày tháng năm cấp giấy tờ chứng minh việc ly hôn/hủy việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.
- (6) Ghi tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi chú ly hôn, số, ngày, tháng, năm ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ ghi chú ly hôn hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
.....
.....⁽¹⁾

Số:⁽²⁾ /TLGCHT-BS

....., ngày.....thángnăm ...

TRÍCH LỤC
GHI VÀO SỔ HỘ TỊCH CÁC VIỆC HỘ TỊCH KHÁC
(BẢN SAO)

Họ, chữ đệm, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:..... Dân tộc: Quốc tịch:

Giấy tờ tùy thân:

Nơi cư trú:

Đã được ghi vào Sổ⁽³⁾

Nội dung ghi:⁽⁴⁾

Theo: ⁽⁵⁾số.....do

.....cấp ngày..... thángnăm.....

Nơi ghi:⁽⁶⁾

Thực hiện trích lục từ:⁽⁷⁾

NGƯỜI KÝ TRÍCH LỤC

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên, chức vụ, đóng dấu)

Chú thích

- (1) Ghi tên cơ quan cấp bản sao Trích lục hộ tịch (ghi đủ các cấp hành chính).
- (2) Ghi theo số trong Sổ cấp bản sao Trích lục hộ tịch của cơ quan thực hiện việc cấp bản sao Trích lục ghi vào Sổ hộ tịch.
- (3) Ghi rõ loại Sổ hộ tịch (Ví dụ: Sổ đăng ký khai tử, Sổ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc...).
- (4) Ghi theo nội dung đã được ghi vào sổ hộ tịch (Ví dụ: Được thay đổi họ từ Nguyễn Thị Lan thành Smith Thị Lan).
- (5) Ghi tên loại giấy tờ hộ tịch, số, tên cơ quan nước ngoài đã đăng ký sự kiện hộ tịch hoặc cấp giấy tờ xác nhận sự kiện hộ tịch đã được đăng ký/giải quyết, ngày đăng ký/cấp giấy tờ đó.
- (6) Ghi rõ tên cơ quan đăng ký hộ tịch đã thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch (theo đủ cấp hành chính), tên sổ hộ tịch, quyển số, số đăng ký trong sổ và ngày thực hiện việc ghi vào Sổ hộ tịch.
Ví dụ: UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Sổ đăng ký khai tử, quyển số 01, số 123, ngày 18/8/2020.
- (7) Tùy theo cách thức thực hiện, ghi rõ căn cứ cấp bản sao từ: Sổ đăng ký hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.

2. Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (QT-92)

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch từ Sổ hộ tịch hoặc Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử do Sở Tư pháp thành phố Hà Nội lưu giữ, quản lý.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với công dân có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch của cá nhân. Công chức Sở Tư pháp chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;

	- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Quyết định số 85/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp ban hành công bố thủ tục hành chính mới ban hành được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Mẫu điện tử tương tác đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (do người yêu cầu cung cấp thông tin theo hướng dẫn trên Cổng dịch vụ công, nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến); - Người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch thực hiện việc nộp/xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến) các giấy tờ sau:	X	
	* Giấy tờ phải nộp: - Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;	X	

	- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.		
	* Giấy tờ phải xuất trình: - <i>Hộ chiếu/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước</i> hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp các thông tin cá nhân trong các giấy tờ này đã có trong CSDLQGVCĐ, CSDLHTĐT, được hệ thống điền tự động thì không phải tải lên (theo hình thức trực tuyến). - Giấy tờ có giá trị chứng minh thông tin về cư trú trong trường hợp cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử không thể khai thác được thông tin về nơi cư trú của công dân theo các phương thức quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bằng các phương thức này thì người có yêu cầu không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến). Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên.	X	
□	* Lưu ý - Đối với giấy tờ nộp, xuất trình nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp: + Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với thông tin trong tờ khai, chụp lại hoặc ghi lại thông tin để lưu trong hồ sơ và trả lại cho người xuất trình, không được yêu cầu nộp bản sao hoặc bản chụp giấy tờ đó.		

+ Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có thể nộp bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ để đối chiếu. Trường hợp người yêu cầu nộp bản chụp kèm theo bản chính giấy tờ thì người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu bản chụp với bản chính và ký xác nhận, không được yêu cầu người đi đăng ký nộp bản sao giấy tờ đó. + Người tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận đúng, đủ hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật hộ tịch, không được yêu cầu người đăng ký hộ tịch nộp thêm giấy tờ mà pháp luật hộ tịch không quy định phải nộp. - Đối với giấy tờ gửi kèm theo nếu người yêu cầu nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến: + Bản chụp các giấy tờ gửi kèm theo hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến phải bảo đảm rõ nét, đầy đủ, toàn vẹn về nội dung, là bản chụp bằng máy ảnh, điện thoại hoặc được chụp, được quét bằng thiết bị điện tử, từ giấy tờ được cấp hợp lệ, còn giá trị sử dụng. + Trường hợp giấy tờ, tài liệu phải gửi kèm trong hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch trực tuyến đã có bản sao điện tử hoặc đã có bản điện tử giấy tờ hộ tịch thì người yêu cầu được sử dụng bản điện tử này. - Trường hợp người yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch không cung cấp đầy đủ hoặc cung cấp các thông tin không chính xác, không thể tra cứu được thông tin thì cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối giải quyết. - Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận để sử dụng cho việc đăng ký hộ tịch tại Việt Nam phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Trường hợp nhận kết quả (Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch) tại cơ quan đăng ký hộ tịch, người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch phải xuất trình giấy tờ tùy thân; nộp các giấy tờ, tài liệu là thành phần hồ sơ cấp xác nhận thông tin hộ tịch theo quy định pháp luật hộ tịch.		
---	--	--

3.3	Số lượng hồ sơ				
	01 bộ				
3.4	Thời gian xử lý				
	03 ngày. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 10 ngày làm việc.				
3.5	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:				
	- Văn bản xác nhận thông tin hộ tịch. - Bản điện tử Xác nhận thông tin hộ tịch (Bản điện tử sẽ tự động gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu sau khi đã hoàn tất thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch).				
3.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả				
	- Bộ phận Một cửa (TN&TKQ) của Sở Tư pháp - Cổng Dịch vụ công Quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn) Hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền.				
3.7	Phí				
	8.000 đồng/Văn bản xác nhận về một việc hộ tịch của cá nhân đã đăng ký.				
3.8	Quy trình xử lý công việc				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Trạng thái Hệ thống
B1	Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc gửi qua bưu chính hoặc <i>nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội (https://dichvucong.hanoi.gov.vn).</i> Công dân đăng ký tài khoản giao dịch điện tử, đăng nhập tài khoản, xác thực định danh điện tử để xác định đúng nhân thân người có yêu cầu thực hiện thủ tục (theo hướng	Công dân		Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2	Tài khoản gồm Tên Đăng nhập và Mật khẩu VNeID

	dẫn trên Cổng Dịch vụ công) Cổng DVC kết nối với CSDLDC để khai thác các trường thông tin của công dân có trong CSDLDC. <u>Công dân lựa chọn:</u> - Dịch vụ công trực tuyến, - Sở Tư pháp, - Lĩnh vực Hộ tịch, - Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch Trường hợp trên ứng dụng VNeID có tích hợp thủ tục này thì công dân có thể đăng nhập và thực hiện theo hướng dẫn trên ứng dụng			Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (trực tiếp) Biểu mẫu điện tử tương tác xác nhận hộ tịch (trực tuyến)	Thông báo về việc đã gửi hồ sơ thành công, chờ kiểm tra, tiếp nhận, phản hồi
B2	Công chức Bộ phận Một cửa truy cập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của thành phố kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, thống nhất, hợp lệ của hồ sơ. (i) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận hồ sơ; nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì có Phiếu hẹn, trả kết quả cho người có yêu cầu trong ngày làm việc tiếp theo (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc gửi ngay Phiếu hẹn, trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn hẹn trả kết quả qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến); - Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp, công chức Bộ phận Một cửa thực hiện số hóa (sao chụp, chuyển thành tài liệu điện tử trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ	Công chức Bộ phận Một cửa	Không quá 04 giờ làm việc	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả	

	liệu) và ký số vào tài liệu, hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa theo quy định. ii) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thì có thông báo cho người yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung để người có yêu cầu bổ sung, hoàn thiện. Sau khi hồ sơ được bổ sung, thực hiện lại bước (i); (iii) Trường hợp người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch không bổ sung, hoàn thiện được hồ sơ thì báo cáo Trưởng Bộ phận Một cửa có thông báo từ chối giải quyết yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch.				
B3	Công chức Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đã tiếp nhận đến công chức phòng Hành chính tư pháp qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố (Trường hợp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đã liên thông với Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì hệ thống tự động chuyển hồ sơ đến Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp; Trường hợp hệ thống chưa tích hợp chức năng tự động chuyển, công chức phòng Hành chính tư pháp thực hiện chuyển hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố sang Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp)	Công chức Bộ phận Một cửa; Công chức Tư pháp - Hộ tịch	Không quá 04 giờ làm việc	- Hồ sơ	

B4	- Công chức Phòng Hành chính Tư pháp thẩm tra hồ sơ (thẩm tra tính thống nhất, hợp lệ của các thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, tài liệu do người yêu cầu nộp, xuất trình hoặc đính kèm). + Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, hoàn thiện hoặc không đủ điều kiện giải quyết, phải từ chối thì gửi thông báo về tình trạng hồ sơ tới Bộ phận một cửa để thông báo cho người nộp hồ sơ – thực hiện lại bước (ii) hoặc (iii); + Trường hợp cần phải kiểm tra, xác minh làm rõ hoặc do nguyên nhân khác mà không thể trả kết quả đúng thời gian đã hẹn thì công chức làm công tác hộ tịch lập Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả, trong đó nêu rõ lý do chậm trả kết quả và thời gian hẹn trả kết quả, chuyển Bộ phận Một cửa để trả cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tiếp), hoặc gửi Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả qua thư điện tử hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại di động cho người có yêu cầu (nếu người có yêu cầu lựa chọn hình thức nộp hồ sơ trực tuyến). + Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định, trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tiếp, thì công chức Phòng Hành chính tư	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 01 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc	- Công văn trả lời	
----	--	------------------------------------	--	--------------------	--

	pháp tra cứu thông tin trong Sổ hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, đánh máy, in Công văn trả lời trình Trưởng Phòng Hành chính tư pháp ký, chuyển tới Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho người có yêu cầu. Trường hợp tiếp nhận hồ sơ xác nhận thông tin hộ tịch theo hình thức trực tuyến, công chức gửi lại nội dung Công văn trả lời tương ứng với thông tin đầy đủ cho người yêu cầu qua thư điện tử hoặc thiết bị số. Người yêu cầu có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của các thông tin trên Công văn trả lời điện tử và xác nhận (tối đa một ngày). Nếu người có yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch đã thống nhất, đầy đủ hoặc không có phản hồi sau thời hạn yêu cầu thì công chức Phòng Hành chính tư pháp dự thảo Công văn trả lời, trình Trưởng Phòng Hành chính Tư pháp, ký, ký số				
B5	Trưởng phòng Hành chính tư pháp ký bản giấy, bản điện tử: - Bản điện tử chuyển Văn thư Sở Tư pháp và công chức Phòng Hành chính tư pháp - Công văn trả lời chuyển cho công chức Phòng Hành chính tư pháp	Trưởng phòng Hành chính tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Công văn trả lời	Hệ thống gửi tin nhắn tới email của công dân thông báo đã có kết quả kính mời công dân đến nhận

B6	- Văn thư Sở Tư pháp phát hành văn bản trên Hệ thống; Hệ thống tự động chuyển kết quả đến phần mềm Một cửa, tài khoản của công dân trên cổng Dịch vụ công và phòng Hành chính tư pháp. - Công chức Phòng Hành chính tư pháp chuyển Văn thư phát hành văn bản giấy, nhận bản phát hành, chuyển Bộ phận Một cửa. (Tổng thời gian giải quyết từ B1 đến B6 hoàn thành trước 16 giờ 30 phút trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Đối với trường hợp tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ, trả kết quả trước 11 giờ ngày làm việc tiếp theo)	Công chức Phòng Hành chính tư pháp	Không quá 04 giờ làm việc	Công văn trả lời	+ Bản điện tử Công văn trả lời gửi qua thư điện tử, Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân đó; + Bản điện tử bản sao Trích lục hộ tịch gửi vào thiết bị số, thông qua phương pháp truyền số liệu phù hợp, đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.
B7	- Trả kết quả cho công dân trực tiếp và qua bưu chính - Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa - Lưu hồ sơ theo quy định	Công chức Bộ phận Một cửa	Trong giờ hành chính	Hồ sơ	Thông tin đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia
4	Biểu mẫu				
	Hệ thống biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)				
	Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch (Thông tư số 04/2024/TT-BTP của Bộ Tư pháp)				
	Biểu mẫu hộ tịch điện tử tương tác xác nhận thông tin hộ tịch nếu nộp hồ sơ trực tuyến (Thông tư số 03/2023/TT-BTP của Bộ Tư pháp).				

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH

Kính gửi⁽¹⁾:

Họ, chữ đệm, tên người yêu cầu/Tên cơ quan, tổ chức:.....

Nơi cư trú của cá nhân (*trường hợp chưa có sổ định danh cá nhân*)/Địa chỉ cơ quan, tổ chức:

Số định danh cá nhân/Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:.....

Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch⁽³⁾:.....

Đề nghị cơ quan cấp Xác nhận thông tin hộ tịch cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Giới tính:.....Dân tộc:.....Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Giấy tờ tùy thân⁽²⁾:

Lý do đề nghị xác nhận⁽⁴⁾:

Nội dung xác nhận⁽⁵⁾:

Tôi cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

Làm tại:, ngày tháng ... năm

Người yêu cầu⁽⁶⁾

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Số lượng:.....bản⁽⁷⁾.

Phương thức nhận kết quả⁽⁸⁾:.....

Chú thích:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan đề nghị cấp Xác nhận thông tin hộ tịch.
- (2) Ghi số định danh cá nhân hoặc thông tin về loại giấy tờ tùy thân sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); ghi rõ số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm (*Ví dụ:* Căn cước công dân số 001089123500 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 20/10/2021). Trường hợp cơ quan, tổ chức đề nghị ghi tên, giấy tờ của người đại diện theo pháp luật;
- (3) Trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của mình thì ghi Bản thân; trường hợp đề nghị cấp xác nhận thông tin hộ tịch của người khác thì ghi rõ mối quan hệ với người được cấp xác nhận. Ví dụ: Vợ/chồng/con/thực hiện theo ủy quyền;
- (4) Mục này dành cho cơ quan, tổ chức đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch;
- (5) Nêu rõ, đầy đủ nội dung, thời điểm đăng ký ban đầu; nội dung, căn cứ và thời gian thực hiện các việc thay đổi, điều chỉnh thông tin hộ tịch tính đến thời điểm cấp văn bản xác nhận.
Ví dụ: Xác nhận thông tin về việc kết hôn mà cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền đã cho phép thực hiện việc thay đổi họ, chữ đệm, tên, cải chính năm sinh của người vợ hoặc người chồng hoặc hai vợ chồng đã ly hôn.
- (6) Trường hợp chủ thể yêu cầu xác nhận thông tin hộ tịch là cơ quan, tổ chức thì ký, đóng dấu của cơ quan, tổ chức theo quy định.
- (7) Ghi rõ số lượng đề nghị cấp.
- (8) Ghi rõ phương thức nhận kết quả: trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. Nếu nhận kết quả qua đường bưu chính thì phải cung cấp địa chỉ nơi nhận và nộp phí dịch vụ bưu chính

**NỘI DUNG MẪU ĐIỆN TỬ TƯƠNG TÁC ĐỀ NGHỊ
XÁC NHẬN THÔNG TIN HỘ TỊCH**

I. Thông tin về người yêu cầu cấp văn bản xác nhận thông tin hộ tịch

- (1) Họ, chữ đệm, tên;
- (2) Số định danh cá nhân;
- (3) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (4) Nơi cư trú (nơi thường trú/nơi tạm trú/nơi đang sinh sống);
- (5) Quan hệ với người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch.

II. Thông tin về người được cấp xác nhận thông tin hộ tịch

- (6) Họ, chữ đệm, tên;
- (7) Ngày, tháng, năm sinh (tách biệt riêng 03 trường thông tin ngày, tháng, năm);
- (8) Giới tính;
- (9) Dân tộc;
- (10) Quốc tịch;
- (11) Số định danh cá nhân;
- (12) Giấy tờ tùy thân: Loại giấy tờ sử dụng (CCCD/CMND/Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế); số, ngày, tháng, năm cấp, cơ quan cấp; bản chụp đính kèm;
- (13) Nội dung xác nhận;
- (14) Phương thức nhận kết quả:
 - ☐ Trực tiếp
 - ☐ Trực tuyến (bản điện tử sẽ được gửi về Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân/địa chỉ thư điện tử/thiết bị số/điện thoại của người yêu cầu)
 - ☐ Bưu chính (cung cấp địa chỉ nơi nhận).
- (15) Hồ sơ đính kèm theo quy định.

* Người yêu cầu cam đoan các thông tin cung cấp là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan của mình.

* Trường hợp các thông tin về giấy tờ chứng minh nơi cư trú đã được khai thác từ CSDLQGVC, được hệ thống điền tự động thì không phải xuất trình (theo hình thức trực tiếp) hoặc tải lên (theo hình thức trực tuyến).

* Mẫu điện tử tương tác ghi nhận thời gian (giờ, phút, giây, ngày, tháng, năm) hoàn tất việc cung cấp thông tin; người yêu cầu trước đó đã đăng nhập vào hệ thống, thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Phụ lục 03**A. QUY TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP THÀNH PHỐ****II. LĨNH VỰC QUỐC TỊCH****1. Quy trình: Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam (QT-93)**

1	Mục đích
	Quy trình này quy định trình tự và cách thức giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam.
2	Phạm vi
	Áp dụng đối với cá nhân xin nhập quốc tịch Việt Nam. Công chức thuộc Sở Tư pháp, Văn phòng UBND Thành phố chịu trách nhiệm thực hiện Quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Quốc tịch Việt Nam ngày 13/11/2008; - Luật Thủ đô ngày 28/6/2024; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - <i>Nghị định số 07/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực;</i> - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu Sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

	- Quyết định số 87/QĐ-BTP ngày 14/01/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp; - Quyết định số 100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam	X	
	Giấy khai sinh		X
	Hộ chiếu		X
	Bản khai lý lịch	X	
	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam (Sở Tư pháp chủ động yêu cầu cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp Phiếu Lý lịch tư pháp cho người có yêu cầu xin nhập quốc tịch Việt Nam trong thời gian cư trú tại Việt Nam để hoàn thiện hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam đã có Phiếu lý lịch tư pháp tại thời điểm nộp hồ sơ); Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;	X	
	Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt (bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo).		X

	Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình		
	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú)		X
	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú để xác định thẩm quyền		X
	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của UBND cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.		X
	<i>Bản sao Giấy khai sinh của người con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam theo cha mẹ hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i> <i>Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia.</i> <i>Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.</i>		X

	- Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: + <i>Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con, trong trường hợp cơ quan tiếp nhận không thể khai thác được thông tin chứng minh quan hệ hôn nhân, quan hệ cha, mẹ, con trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.</i> + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành. + Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: (phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam). - Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh: + Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam và việc nhập quốc tịch đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;		X
--	--	--	---

	+ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		
	- Giấy tờ có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. - Giấy tờ bằng tiếng nước ngoài có trong hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam phải được dịch sang tiếng Việt; bản dịch phải được công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật Việt Nam. - Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ phải nộp là bản sao thì người yêu cầu giải quyết các việc về quốc tịch có thể nộp giấy tờ là bản chụp từ bản chính, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Nếu nộp bản chụp từ bản chính thì phải có bản chính để đối chiếu; người tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính và ký xác nhận đã đối chiếu.		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	03 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		
	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp hoặc địa điểm tiếp nhận và trả kết quả theo thông báo của Cơ quan có thẩm quyền Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND Thành phố Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Bộ Tư pháp		

3.6	Lệ phí			
	3.000.000 đồng. Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXH Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Thông báo của cấp có thẩm quyền	Công dân	Trong giờ hành chính	Thành phần Hồ sơ theo Mục 3.2
B2	Công chức Bộ phận Một cửa kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không hợp lệ thì thông báo để cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ; b) Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, công chức nêu rõ lý do; c) Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, ghi vào Sổ theo dõi tiếp nhận, cấp cho người nộp hồ sơ Phiếu tiếp nhận hồ sơ, số hóa hồ sơ, nhập dữ liệu vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Thành phố.	Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Sổ theo dõi hồ sơ

B3	Công chức Bộ phận Một cửa bàn giao hồ sơ cho công chức Phòng HCTP trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố Bộ phận tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ bản giấy cho đơn vị thụ lý theo quy định của Thành phố (không quá 08 giờ làm việc).	Công chức Bộ phận Một cửa	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Hồ sơ
B4	Công chức thẩm định hồ sơ: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo văn bản gửi Công an Thành phố xác minh theo quy định; gửi Trưởng phòng xem xét.	Công chức Phòng HCTP	02 ngày làm việc	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B5	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Công văn và hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét. - Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do	Trưởng phòng HCTP	1,5 ngày làm việc	Dự thảo Công văn kèm theo Hồ sơ

B6	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Công văn gửi Công an Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc	Công văn kèm Hồ sơ
B7	Công an Thành phố xác minh và gửi kết quả đến Sở Tư pháp	Công an Thành phố	30 ngày kể từ ngày nhận được Công văn đề nghị	Kết quả xác minh về nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B8	Văn thư nhận Kết quả xác minh về nhân thân từ Công an Thành phố chuyển công chức Phòng HCTP	Văn thư	04 giờ	Xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B9	Công chức tiếp nhận Kết quả xác minh về nhân thân: - Đối với hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết, công chức tham mưu văn bản Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết chuyển về Bộ phận Một cửa để thông báo cho cá nhân. - Trường hợp, hồ sơ đạt yêu cầu, hoàn chỉnh hồ sơ, tham mưu dự thảo trình Lãnh đạo phòng	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	- Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết/Thông báo trả lại hồ sơ
B10	Trưởng phòng xem xét hồ sơ: - Nếu hồ sơ hợp lệ, trình Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký	Trưởng phòng HCTP	04 ngày	Dự thảo Tờ trình kèm theo Hồ sơ

	- Nếu hồ sơ không hợp lệ, chuyển lại công chức, nêu lý do			
B11	Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, ký Tờ trình UBND Thành phố; hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Giám đốc Sở Tư pháp	02 ngày	Tờ trình kèm theo Hồ sơ
B12	Lãnh đạo UBND Thành phố xem xét và đề xuất gửi Bộ Tư pháp.	Lãnh đạo UBND Thành phố	10 ngày	Công văn kèm theo Hồ sơ
B13	Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch Nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Bộ Tư pháp	20 ngày	Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam
B14	Chủ tịch Nước quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.	Chủ tịch Nước	30 ngày	Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam.
B15	- Bộ Tư pháp gửi văn bản thông báo kèm theo Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho UBND Thành phố - Bộ Tư pháp thông báo cho Bộ Công an để chỉ đạo cơ quan Công an đăng ký cư trú, cấp Hộ chiếu Việt Nam, Căn cước công dân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam

B16	Văn thư Sở nhận bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam chuyển đến Phòng HCTP	Văn thư Sở	04 giờ	Bản sao Quyết định cho phép nhập quốc tịch Việt Nam
B17	Công chức Phòng HCTP: - Vào Sổ theo dõi tiếp nhận hồ sơ - Dự thảo Thông báo UBND cấp xã nơi đã đăng ký khai sinh trước đây của người được nhập quốc tịch Việt Nam để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh trình Trưởng phòng HCTP. - Tổ chức Lễ trao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.	Công chức Phòng HCTP	04 giờ	Dự thảo Thông báo gửi UBND cấp xã để ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh.
B18	Trưởng phòng HCTP xem xét dự thảo Thông báo và trình Lãnh đạo Sở ký	Trưởng phòng HCTP	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
B19	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét, ký Thông báo, hệ thống tự động chuyển đến bộ phận văn thư để phát hành và cập nhật thông tin đến Lãnh đạo, công chức phòng chuyên môn tham mưu	Lãnh đạo Sở Tư pháp	04 giờ	Thông báo về việc ghi chú vào Sổ đăng ký khai sinh
4	BIỂU MẪU			
	Hệ thống Biểu mẫu (Thông tư số 01/2018/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ)			
	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1). - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2). - Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT- 2024 - BKLL)			

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tênGiới tính:.....
 Ngày, tháng, năm sinh:.....
 Nơi sinh(2):.....
 Nơi đăng ký khai sinh (3):
 Quốc tịch hiện nay (4):
 Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
 do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....
 Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....
 Nơi cư trú:

 Thẻ thường trú số:.....do:.....
cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. ☐
 - Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ☐
 - Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐
- Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây (nếu có) (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Nơi sinh (2):
Nơi đăng ký khai sinh (3):.....
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....
Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):
.....
Nơi cư trú:
.....
Thẻ thường trú số:.....do:.....
....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....
Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:
Nơi sinh (2):
Nơi đăng ký khai sinh (3):
Quốc tịch hiện nay (4):
Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....
do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....
Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):
.....
Nơi cư trú:
.....
Thẻ thường trú số:.....do:.....
....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Con thứ:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày.. tháng..... năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Ảnh 4 x 6
(chụp
không quá
6 tháng)

Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
**(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
cho người được đại diện)**

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1):Giới tính*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Nơi sinh (2)*:

Quốc tịch*:

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Nơi cư trú*:.....

.....

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:.....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự
nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
Nam cho phép người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh (2):

Nơi đăng ký khai sinh (3):

Quốc tịch hiện nay (4):

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:.....số:.....

do:....., cấp ngày.....tháng.....năm.....

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có):/...../.....

Nơi cư trú:

.....

Thẻ thường trú số:.....do:.....

....., cấp..... ngày.....tháng.....năm.....

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:.....

.....

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt ☐

- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và ☐
bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là:

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện (nếu có) ☐	Tôi tự xét thấy(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép.....

	(7) được nhập quốc tịch Việt Nam mà vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay:
--	--

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

-
-
-

....., ngày tháng năm.....

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ “không quốc tịch”.

(5) Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Đánh dấu “X” vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Nơi làm việc:

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features ten sets of horizontal dotted lines, each set consisting of three dots. These lines are evenly spaced across the entire page, providing a guide for handwriting practice. The background is white, and there are no margins or other markings present.

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH**Người cha:**

Họ, chữ đệm, tên*:.....

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*:

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

.....

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Quốc tịch* :.....

Nơi cư trú hiện nay* :.....
.....**Con thứ hai:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Quốc tịch* :.....

Nơi cư trú hiện nay* :.....
.....**Con thứ:**
.....**Anh/chị/em ruột thứ nhất:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân
(nếu có):
.....

Quốc tịch* :.....

Nơi cư trú hiện nay* :.....
.....**Anh/chị/em thứ hai:**

Họ, chữ đệm, tên::.....Giới tính* :.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

.....

Quốc tịch*:.....

Nơi cư trú hiện nay*:.....

Anh/chị/em thứ

.....

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin “Họ, chữ đệm, tên”, “ngày tháng năm sinh”, “Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân” thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(Xem tiếp công báo số 269+270)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI XUẤT BẢN

Địa chỉ: 12 Lê Lai - Hoàn Kiếm - Hà Nội
Điện thoại: 024.38253536 - 024.37739442
Fax: 024.37739443
Email: congbao@hanoi.gov.vn
Website: www.hanoi.gov.vn